

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7642/BKHĐT-TH  
V/v thông báo dự kiến KH  
đầu tư nguồn NSNN năm 2015

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2014

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách Xã hội.



Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 8189/VPCP-KTTH ngày 17 tháng 10 năm 2014 về kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2015, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo dự kiến kế hoạch đầu tư từ NSNN năm 2015 của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác của Trung ương; các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (dưới đây gọi tắt là các bộ, cơ quan và địa phương) tại phụ lục kèm theo.

Đề nghị các bộ, cơ quan và địa phương dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2015 theo các quy định sau đây:

**1. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn NSNN năm 2015**

Việc phân bổ vốn NSNN phải quán triệt và thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

a) Kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2015 phải nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu và các định hướng phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011 - 2015 trong phạm vi cả nước, trong từng ngành, từng lĩnh vực và từng vùng, từng địa phương. Gắn việc xây dựng Kế hoạch đầu tư năm 2015 với

việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

b) Bảo đảm cân đối giữa nhu cầu đầu tư với khả năng bố trí vốn ngân sách nhà nước và khả năng huy động các nguồn vốn nhà nước khác và các nguồn vốn bổ sung của các thành phần kinh tế để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội.

c) Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư từ NSNN theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư theo quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.

d) Việc phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2015 cho các dự án phải quán triệt các nguyên tắc sau:

- Thực hiện theo đúng các quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ NSNN và TPCP; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tại các địa phương; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn NSNN, TPCP; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2014 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2015.

- Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia chỉ bố trí vốn cho các dự án dở dang, không bố trí vốn khởi công các dự án mới (trừ chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững).

- Việc phân bổ vốn cho các dự án thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015.

- Tập trung bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án quan trọng quốc gia, các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các ngành, các địa phương.

- Trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình ưu tiên bố trí vốn cho các dự án, công trình đã hoàn thành và đã bàn giao đưa vào sử dụng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn; thanh toán nợ xây dựng cơ bản; các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015 (theo tiến độ trong quyết định

đầu tư, khả năng cân đối vốn và khả năng thực hiện trong năm 2015); vốn đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ thực hiện dự án.

- Bố trí hoàn trả một phần các khoản vốn ứng trước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Số vốn còn lại bố trí cho các dự án chuyên tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

- Đối với các dự án khởi công mới, phải cân nhắc kỹ lưỡng, chỉ bố trí vốn khởi công mới các dự án thật sự cấp bách đáp ứng các tiêu chí sau đây:

+ Nằm trong quy hoạch đã được duyệt;

+ Đã xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách;

+ Quyết định phê duyệt dự án trước ngày 31 tháng 10 năm 2014;

+ Đã bố trí vốn để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Không bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Không bố trí vốn bổ sung có mục tiêu nguồn ngân sách trung ương cho: Các dự án khởi công mới chưa được thẩm định nguồn vốn; các dự án phê duyệt quyết định đầu tư không đúng theo văn bản thẩm định nguồn vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; không bố trí phần vốn điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư theo quy định tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Không bố trí vốn ngân sách trung ương cho các dự án sử dụng vốn vay ngân sách địa phương chưa thẩm định vốn hoặc phê duyệt phần vốn ngân sách trung ương cao hơn mức đã thẩm định.

- Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến khởi công mới để lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; lập, thẩm định, phê duyệt quyết định đầu tư dự án theo quy định tại Luật Đầu tư công.

**2. Căn cứ các nguyên tắc, tổng mức vốn thông báo nêu trên, đề nghị các bộ ngành, địa phương dự kiến kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2015 với các nội dung sau:**

a) Dự kiến danh mục và mức vốn bố trí nguồn NSNN cho từng dự án.

b) Dự kiến các kết quả đạt được và các tồn tại hạn chế trong phương án phân bổ vốn kế hoạch năm 2015.

Các báo cáo gửi bằng văn bản về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản), Bộ Tài chính trước ngày 07 tháng 11 năm 2014 và gửi thư điện tử theo địa chỉ [thktqd@mpi.gov.vn](mailto:thktqd@mpi.gov.vn).

Để đảm bảo thời gian giao kế hoạch năm 2015 đúng thời hạn quy định, đề nghị các bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để triển khai thực hiện các nội dung trên và gửi báo cáo đúng thời gian quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- VPCP (để b/c Thủ tướng Chính phủ);
- Bộ Tài chính;
- Lãnh đạo Bộ;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị liên quan trong Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TH (5 bản).

**BỘ TRƯỞNG**



**Bùi Quang Vinh**



**Phụ lục**

**Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2015**  
(Phụ lục kèm theo văn bản số 7642/BKHDT-TH ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch năm 2015		
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài <sup>(1)</sup>
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>649.600</b>	<b>633.600</b>	<b>16.000</b>
<b>I</b>	<b>Đầu tư theo ngành, lĩnh vực</b>	<b>557.600</b>	<b>541.600</b>	<b>16.000</b>
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	<b>2.100</b>	<b>2.100</b>	
	- Y tế	300	300	
	- Xã hội	1.300	1.300	
	- Quản lý nhà nước	500	500	
<b>2</b>	<b>Thực hiện dự án</b>	<b>555.500</b>	<b>539.500</b>	<b>16.000</b>



STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch năm 2015		
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài <sup>(1)</sup>
	- Khoa học công nghệ	50.000	50.000	
	- Giáo dục và đào tạo	71.000	55.000	16.000
	- Y tế	40.000	40.000	
	- Xã hội	390.000	390.000	
	- Quản lý nhà nước	4.500	4.500	
<b>II</b>	<b>Đầu tư theo các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể</b>	<b>92.000</b>	<b>92.000</b>	
	Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề	92.000	92.000	

Ghi chú: <sup>(1)</sup> Vốn nước ngoài (ODA) kế hoạch năm 2015 giải ngân theo đúng kế hoạch được giao

## **DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU KÈM THEO**

*(Kèm theo văn bản số 7642/BKHĐT-TH ngày 23 tháng 10 năm 2014)*

### **1. Các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước báo cáo:**

- Biểu mẫu I: Tổng hợp tình hình giao, ước thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015 của các bộ, ngành cơ quan trung ương.
- Biểu mẫu II: Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN (vốn trong nước) năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015.
- Biểu mẫu III: Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ vốn ODA (vay, viện trợ) thuộc nguồn NSNN và TPCP kế hoạch năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015.

### **2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo:**

- Biểu mẫu I: Tổng hợp tình hình giao, ước thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015 của các địa phương.
- Biểu mẫu số II: Tình hình thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn hỗ trợ có mục tiêu ngân sách trung ương (vốn trong nước) kế hoạch năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015.
- Biểu mẫu III: Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ vốn ODA (vay, viện trợ) thuộc nguồn NSNN và TPCP kế hoạch năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015.

*Các biểu mẫu nêu trên có thể tải về tại địa chỉ [www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn)*

**HỆ THỐNG BIỂU MẪU**  
**XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2015**  
**CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**

*(Kèm theo văn bản số 7642/BKHDT-TH ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*





STT	Ngành, lĩnh vực	Năm 2014										Dự kiến năm 2015						
		Tổng số DA	KH vốn đã được TTCP giao			Ước giải ngân đến hết ngày 31/01/2015			Tổng số DA	Số vốn kế hoạch năm 2015								
			Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài						
c	- Trong đó: dự án đã hoàn thành trước năm kế hoạch Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm kế hoạch - Trong đó: dự án bố trí đúng tiến độ (nhóm C không quá 3 năm, nhóm B không quá 5 năm)																	
d	Dự án gián hoãn tiến độ thi công và chuyển đổi hình thức đầu tư Trong đó:																	
	- Dự án gián hoãn tiến độ thi công đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý																	
	- Dự án dự kiến chuyển đổi hình thức đầu tư																	
2	Ngành, lĩnh vực, chương trình ...																	
	PHÂN LOẠI NHƯ ĐIỂM 1, MỤC II NÊU TRÊN																	

**Biểu mẫu II**

*(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước)*

Bộ, ngành .....

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2014 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2015**

*(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 7642/BKHĐT-TH ngày 23 tháng 10 năm 2014)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ			Năm 2014						Lũy kế vốn đã bỏ trị đến hết năm 2014	Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2015	Chi chú			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước thực hiện từ 1/1/2014 đến 31/12/2014		Ước giải ngân từ 1/1/2014 đến 31/1/2015					TỔNG SỐ		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Trong đó:					
																	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
<b>TỔNG SỐ</b>																						
<b>A CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>																						
<b>I Ngành/ Lĩnh vực ...</b>																						
1 Dự án ...																						
...																						
<b>II Ngành/ Lĩnh vực ...</b>																						
1 Dự án ...																						
...																						
<b>B THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>																						
<b>I Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....</b>																						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QD đầu tư ban đầu hoặc QD đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013		Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ		Năm 2014						Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2014	Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2015			Ghi chú					
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Kế hoạch	Ước thực hiện từ 1/1/2014 đến 31/12/2014	Ước giải ngân từ 1/1/2014 đến 31/1/2015	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số		Trong đó: NSNN	Tổng số	Trong đó: NSNN		Tổng số	Trong đó: NSNN	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2014																							
a	Dự án nhóm A <sup>(1)</sup>																							
1	Dự án ...																							
2	Dự án ...																							
...	...																							
b	Dự án nhóm B <sup>(1)</sup>																							
1	Dự án ...																							
...	...																							
c	Dự án nhóm C <sup>(1)</sup>																							
1	Dự án ...																							
...	...																							
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015																							
a	Dự án nhóm A <sup>(1)</sup>																							
1	Dự án ...																							
...	...																							
b	Dự án nhóm B <sup>(1)</sup>																							
1	Dự án ...																							
...	...																							

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành			Kế hoạch			Ước thực hiện từ 1/1/2014 đến 31/12/2014		Ước giải ngân từ 1/1/2014 đến 31/1/2015		Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết năm 2014		Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2015		Ghi chú
					TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	TMDT	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
<b>c</b>	<b>Dự án nhóm C<sup>(1)</sup></b>																					
1	Dự án ...																					
<b>(3)</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015</b>																					
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm A<sup>(1)</sup></b>																					
1	Dự án ...																					
<b>b</b>	<b>Dự án nhóm B<sup>(1)</sup></b>																					
1	Dự án ...																					
<b>c</b>	<b>Dự án nhóm C<sup>(1)</sup></b>																					
1	Dự án ...																					
<b>(4)</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2015</b>																					
<b>a</b>	<b>Dự án nhóm A<sup>(1)</sup></b>																					
1	Dự án ...																					
<b>b</b>	<b>Dự án nhóm B<sup>(1)</sup></b>																					
1	Dự án ...																					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013		Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ		Năm 2014						Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2014	Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2015			Ghi chú				
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Kế hoạch	Ước thực hiện từ 1/1/2014 đến 31/12/2014	Ước giải ngân từ 1/1/2014 đến 31/1/2015	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSNN	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước		Trong đó: Thanh toán nợ XDCB			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
c	Dự án nhóm C <sup>(1)</sup>																						
1	Dự án ...																						
(5)	Các dự án gián hoàn tiến độ thi công và chuyển đổi hình thức đầu tư																						
a	Dự án nhóm A <sup>(1)</sup>																						
1	Dự án ...																						
b	Dự án nhóm B <sup>(1)</sup>																						
1	Dự án ...																						
c	Dự án nhóm C <sup>(1)</sup>																						
1	Dự án ...																						
II	Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....																						
...	PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN																						

Ghi chú: (1) Phân loại dự án kế hoạch năm 2015 theo quy định tại Luật Đầu tư công

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành		Kế hoạch		Ước thực hiện từ 31/12/2014		Ước giải ngân từ 31/1/2015		Tổng số các nguồn vốn		Tổng số các nguồn vốn		Trong đó: NSNN		Ghi chú	
					TMĐT	Trong đó: NSNN	TMĐT	Trong đó: NSNN	Ước thực hiện từ 1/1/2014 đến 31/12/2014	Ước giải ngân từ 1/1/2014 đến 31/1/2015	Trong đó: NSNN	Trong đó: NSNN	Trong đó: NSNN	Trong đó: NSNN								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
					QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao KH 2012, 2013		Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ		Năm 2014		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2014		Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2015									

Ghi chú: \* Đề nghị các dự án ghi rõ dự kiến năm hoàn thành để có cơ sở xác định số dự án hoàn thành trong các năm

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước có các dự án sử dụng vốn ODA)

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN ODA (VAY, VIỆN TRÒI) THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ TRẠI PHIẾU CHÍNH PHỦ KẾ HOẠCH NĂM 2014 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2015**

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 7642/BKHDT-TH ngày 23 tháng 10 năm 2014)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thon gian KC-HTT	Quyết định đầu tư được TTCP giao KH năm 2012, 2013												Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ												KH năm 2014												Ước thực hiện kế hoạch 2014 từ 1/1/2014 đến 31/12/2014 <sup>(*)</sup>												Ước giải ngân kế hoạch 2014 từ 1/1/2014 đến 31/1/2015 <sup>(*)</sup>												Lấy kế vốn đã bỏ tr. đến hết KH năm 2014												Dự kiến kế hoạch năm 2015												Ghi chú
					TMDT						TMDT						TMDT						TMDT						TMDT						TMDT						TMDT																																																
					Số quyết định	Tổng số các nguồn vốn	Vốn đối ứng <sup>(1)</sup>	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) <sup>(2)</sup>	Quy đổi ra tiền Việt	Số quyết định	Tổng số các nguồn vốn	Vốn đối ứng <sup>(1)</sup>	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) <sup>(2)</sup>	Quy đổi ra tiền Việt	Số quyết định	Tổng số các nguồn vốn	Vốn đối ứng	Trong đó	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Số quyết định	Tổng số các nguồn vốn	Vốn đối ứng	Trong đó	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Số quyết định	Tổng số các nguồn vốn	Vốn đối ứng	Trong đó	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Số quyết định	Tổng số các nguồn vốn	Vốn đối ứng	Trong đó	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Số quyết định	Tổng số các nguồn vốn	Vốn đối ứng	Trong đó	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Số quyết định	Tổng số các nguồn vốn	Vốn đối ứng	Trong đó	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)																																													
1	<b>TỔNG SỐ</b>																																																																																								
2	<b>Ngành, lĩnh vực/Chương trình.....</b>																																																																																								
3	<b>1 Các dự án khoản thành, bản giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2014</b>																																																																																								
4	<b>a Dự án nhóm A<sup>(*)</sup></b>																																																																																								
5	(1) Dự án																																																																																								
6	(2) Dự án																																																																																								
7	<b>b Dự án nhóm B<sup>(*)</sup></b>																																																																																								
8	(1) Dự án																																																																																								
9	<b>c Dự án nhóm C<sup>(*)</sup></b>																																																																																								
10	(1) Dự án																																																																																								
11	<b>2 Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015</b>																																																																																								
12	<b>a Dự án nhóm A<sup>(*)</sup></b>																																																																																								
13	(1) Dự án																																																																																								
14	<b>b Dự án nhóm B<sup>(*)</sup></b>																																																																																								
15	(1) Dự án																																																																																								
16	<b>c Dự án nhóm C<sup>(*)</sup></b>																																																																																								
17	(1) Dự án																																																																																								
18	<b>3 Danh mục dự án chuyển tiếp khoản thành sau năm 2015</b>																																																																																								
19	<b>a Dự án nhóm A<sup>(*)</sup></b>																																																																																								
20	(1) Dự án																																																																																								
21	<b>b Dự án nhóm B<sup>(*)</sup></b>																																																																																								
22	(1) Dự án																																																																																								
23	<b>c Dự án nhóm C<sup>(*)</sup></b>																																																																																								
24	(1) Dự án																																																																																								
25	<b>4 Danh mục dự án khởi công mới năm 2015</b>																																																																																								
26	<b>a Dự án nhóm A<sup>(*)</sup></b>																																																																																								



TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XĐ	Năng lực thiết kế K-C-H-T	Số quyết định	Quyết định đầu tư được TTGP giao KH năm 2012, 2013										Quyết định đầu tư điều chỉnh sau thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ										KH năm 2014										Ước thực hiện kế hoạch 2014 từ 1/1/2014 đến 31/12/2014 <sup>(1)</sup>										Ước giải ngân kế hoạch 2014 từ 1/1/2014 đến 31/1/2015 <sup>(1)</sup>										Lũy kế vốn đã bỏ từ đầu hết KH năm 2014										Dự kiến kế hoạch năm 2015										Ghi chú
					TMĐT					TMĐT					TMĐT					TMĐT					TMĐT					TMĐT					TMĐT					TMĐT																																			
					Vốn đối ứng <sup>(1)</sup>	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) <sup>(2)</sup>	Quy định ra tiền Việt	Số quyết định	Tổng số các nguồn (vốn)	Vốn đối ứng <sup>(1)</sup>	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) <sup>(2)</sup>	Quy định ra tiền Việt	Số quyết định	Tổng số các nguồn (vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiến Việt)	Tổng số các nguồn (vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiến Việt)	Tổng số các nguồn (vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiến Việt)	Tổng số các nguồn (vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiến Việt)	Tổng số các nguồn (vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiến Việt)	Tổng số các nguồn (vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiến Việt)	Tổng số các nguồn (vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiến Việt)	Tổng số các nguồn (vốn)																																	
															Trong đó NSTW	Trong đó ngoại tệ			Trong đó NSTW	Trong đó ngoại tệ			Trong đó NSTW	Trong đó ngoại tệ			Trong đó NSTW	Trong đó ngoại tệ			Trong đó NSTW	Trong đó ngoại tệ			Trong đó NSTW	Trong đó ngoại tệ			Trong đó NSTW	Trong đó ngoại tệ			Trong đó NSTW	Trong đó ngoại tệ	Trong đó NSTW	Trong đó ngoại tệ	Trong đó NSTW	Trong đó ngoại tệ	Trong đó NSTW	Trong đó ngoại tệ	Trong đó NSTW	Trong đó ngoại tệ	Trong đó NSTW	Trong đó ngoại tệ	Trong đó NSTW	Trong đó ngoại tệ	Trong đó NSTW	Trong đó ngoại tệ																	
<p>5 Các dự án giảm hoàn thiện độ thi công và chuyển đổi hình thức đầu tư</p> <p>a Dự án nhóm A<sup>(1)</sup></p> <p>(1) Dự án</p> <p>b Dự án nhóm B<sup>(1)</sup></p> <p>(1) Dự án</p> <p>c Dự án nhóm C<sup>(1)</sup></p> <p>(1) Dự án</p> <p>II Ngành, lĩnh vực/Chuyên trình.....</p> <p>Phân loại như trên</p>																																																																											

- Ghi chú:
- (1) Phần vốn đối ứng là phần vốn trong nước tính theo tiến Việt Nam đồng
  - (2) Số vốn nước ngoài (tính bằng ngoại tệ, ghi rõ kèm theo đơn vị ngoại tệ), quy đổi ra Việt nam đồng theo quy định tại Hiệp định, trường hợp Hiệp định không quy định sang Việt nam đồng quy đổi theo tỷ giá thời điểm ký kết Hiệp định.
  - (3) Riêng số vốn TPCP báo cáo nước thực hiện và giải ngân kế hoạch năm 2014 từ 01/01/2014 đến 01/3/2015
  - (4) Vốn nước ngoài (ODA) kế hoạch năm 2015 giải ngân theo đúng kế hoạch được giao
  - (5) Phần loại dự án kế hoạch năm 2015 theo quy định tại Luật Đầu tư công